

Số: 11 /2019 /QĐST- HNGĐ

TS, ngày 22 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 320/2018/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa:

Võ Thị H, sinh năm 1992

Trú tại: Xóm 2, xã Hợp T, huyện Tr, tỉnh T

Anh Hà Văn V, sinh năm 1986

Trú tại: Xóm Diễn Đông, xã Hợp T, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Võ Thị H, sinh năm 1992

Anh Hà Văn V, sinh năm 1986

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị H và anh Hà Văn V.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung với nhau, tên cháu là Hà Văn M, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2012. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu M cho

anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị H có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng anh Văn mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị H được quyền đi lại chăm sóc con chung, anh M và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản và phần nợ: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị H nộp toàn bộ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị H đã nộp theo biên lai số AA/2017/ 0005267 ngày 10 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Tr
- Chi cục thi hành án Tr
- Phòng Giám đốc án
- UBND Hợp T
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

